

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán		Vật lí	Hóa học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		Thể dục	XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				15'	1T	1T	1T	1T	1T	15'	1T	15'					
1	Đào Thụy Phương	Anh		5	5	2.5	3.3	6	5.5	4	3	CĐ	Y			47	K
2	Huỳnh Quốc	Anh		6	4	4.5	4	4.5	4.5	6	4.3	Đ	Y			48	K
3	Phan Văn Việt	Anh		10	6.5	5.5	6.8	5	5.8	5	4.3	CĐ	Y			50	T
4	Phạm Thạch Nhân	Băng		6	5.3	6.5	5.5	6.5	5.3	8	5.5	Đ	TB			49.5	T
5	Nguyễn Ngọc Thuý	Châu	X	4	2.3	5.3	1.8	6	5.8	5	4.8	CĐ	Kem			50	T
6	Trần Mạnh	Cường		7	5	6.5	4	6	5.8	5	5	Đ	TB			49.5	T
7	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Diệp		3	0	3.5	5.8	6	4.5	4	3.8	CĐ	Kem			49.5	T
8	Trần Thế	Duy		8	4.5	4.3	7.5	6	5.5	4	5.5	CĐ	Y			49.5	T
9	Nguyễn Thanh	Hiệp		7	3	4.5	3.5	6	5.5	4	3	CĐ	Y			50	T
10	Lê Trung	Hiếu		8	4.8	4.8	6.3	6	4.5	6	5	CĐ	Y			50	T
11	Huỳnh Lâm Gia	Huy		0	0.5	2.3	2.5	5	5	4	4	CĐ	Kem			49.5	T
12	Nguyễn Văn	Huy		9	6.5	6.3	7	6	6.5	6	5.5	CĐ	TB			49.5	T
13	Vũ Đức	Huy		7	7.8	7.3	8.8	4.5	5	4	4	CĐ	Y			49.5	T
14	Nguyễn Văn	Huỳ		5	4.8	3.8	2.8	6	2.5	4	3	CĐ	Y			50	T
15	Nguyễn Văn	Khoa		7	2.3	4.3	5.5	6	4	4	2	CĐ	Y			50	T
16	Lê Nguyễn Đình	Khôi		9	6	5.3	5.5	6.5	5	5	4.8	CĐ	Y			49.5	T
17	Lê Văn	Lai		3	5	6.3	6.8	6.5	6	5	4	CĐ	Y			50	T
18	Nguyễn Thị Thanh	Long	X	6	3	4	4.8	6	6.3	2	3.3	CĐ	Y			50	T
19	Lý Thành	Luân		7	3.8	2.5	6	6	5	3	2.5	CĐ	Y	2	0	49.5	T
20	Lê Thị Ánh	Ly	X	5	3.8	1.3	2.5	6.5	4	2	1.8	CĐ	Kem			50	T
21	Nguyễn Thị Trà	My	X	9	6	5.8	5.3	6	5.5	3	3.3	Đ	Y			50	T
22	Lê Xuân Giang	Nam		6	5.3	5.3	3	6.5	5.3	3	2.8	Đ	Y			46.5	T
23	Hoàng Trung	Nghĩa		3	4.5	4	1.5	5	4	7	6	CĐ	Kem			50	T
24	Trần Kim	Nghĩa		7	1.3	3.3	1.8	6	5	3	4.8	Đ	Kem			49.5	T
25	Trần Nguyễn Thanh	Nhã	X	7	6.3	5.5	6.3	6.5	3.8	5	4.3	Đ	TB			50	T
26	Nguyễn Thành	Nhân		5	2.3	5.3	2.8	4.5	5	5	3	CĐ	Y			49.5	T
27	Nguyễn Lê Tuyết	Nhi		6	5.3	6.3	4.8	6.5	5	6	3.5	Đ	TB			50	T
28	Lê Thị	Phương	X	6	4.3	5	7.3	5.5	4.5	5	4.8	CĐ	Y	0	1	48	T
29	Huỳnh Kim Bích	Phượng	X	6	6.3	6	4.3	6	5	7	6.3	CĐ	Y			50	T
30	Tăng Quốc Minh	Quang		8	4	1	2.8	5	3.5	2	4.5	CĐ	Kem			50	T

31	Nguyễn Minh	Quân		5	6.8	5.8	7.5	5.5	4.5	3	3.5	CĐ	Y			50	T
32	Trương Thị Thúy	Quyên	X	3	1.3	4	3.3	5	4.3	3	2	CĐ	Kem			49.5	T
33	Nguyễn Hữu	Tài		7	3.8	4.5	6.5	4.5	3	5	4	Đ	Y	1	0	50	T
34	Nguyễn Chí	Thanh		10	6.8	6	7.5	6.5	5	4	5.8	CĐ	TB			50	T
35	Nguyễn Ngọc	Thanh		2	2.8	4.5	1.5	5.5	6.5	4	3.5	CĐ	Kem			47.5	K
36	Đình Công	Thành		6	4.3	5.5	5.8	5.5	5.5	6	5.3	CĐ	Y			50	T
37	Nguyễn Hữu	Thảo		7	2.5	3.5	5.8	5	5.3	5	3.8	CĐ	Y			50	T
38	Trần Xuân	Thịnh		6	5	9	7	6.5	4.5	5	6.5	Đ	TB			50	T
39	Trần Thị Bích	Trâm	X	7	3.8	7.5	2.8	6.5	5.8	4	4	CĐ	Y			49	T
40	Nguyễn Mậu	Trung		4	5.3	7.5	4.3	6.5	5	5	3.5	CĐ	Y			49.5	T
41	Phạm Hoàng	Trung		6	5.3	4.5	4.8	6	5	4	4.5	CĐ	Y			50	T
42	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	X	3	2.3	5	2.3	6.5	2.8	3	3.3	CĐ	Y	0	9	30.5	TB
43	Lâm Tường	Vy	X	2	1.8	3	1.5	4.5	6	6	4	CĐ	Kem			49.5	T
44	Trịnh Trần Hải	Vy	X	3	5.5	5	5.3	5	6.3	6	5.8	Đ	TB			48.5	T



Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016
Hiệu Trưởng
(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuân Hương

